

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 30/2021/DS- ST

Ngày 30-7-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đình Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Xuân Đức và ông K'Bar

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Trịnh Huy T; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phan Chí D (vắng mặt); chị Nguyễn Thị Thu H (có mặt), địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Trần Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Anh Trịnh Huy T trình bày:***

Vào tháng 02 – 2018 anh Phan Chí D, chị Nguyễn Thị Thu H có đến liên hệ vay gia đình anh số tiền 200.000.000đ, tuy nhiên do gia đình anh có nhiều công nợ nên chỉ cho anh D, chị H vay số tiền 100.000.000đ, số tiền trên được giao làm hai lần, một lần 70.000.000đ và một lần 30.000.000đ, giao nhận tiền tại nhà anh D, chị H, khi giao tiền đều có mặt anh D, chị H. Khi giao số tiền 70.000.000đ có lập giấy vay do anh D viết, có chữ ký của anh D, chị H. Khoảng vài ngày sau anh T giao thêm số tiền 30.000.000đ, sau đó anh D viết lại giấy vay với tổng số tiền là 100.000.000đ, có chữ ký của anh D, chị H, đồng thời anh T giao lại giấy vay trước đó đã viết của số tiền 70.000.000đ cho anh D. Thời hạn

trả khoản tiền vay trên vào ngày 15-12-2018, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 25%/tháng. Đến ngày 15-12-2018 anh T đến yêu cầu anh D, chị H trả số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận, tuy nhiên anh D, chị H trình bày khó khăn nên chưa trả được khoản tiền gốc, chỉ trả được khoản tiền lãi là 25.000.000đ, anh T chỉ nhận số tiền 20.000.000đ và cho lại 5.000.000đ. Cũng trong ngày 15-12-2018, anh D viết lại giấy vay với nội dung anh D vay của anh T số tiền 100.000.000đ, với lãi suất là 25%/tháng, tuy nhiên trong giấy chỉ ghi mức lãi suất là 0,25%/tháng, chỉ có chữ ký của anh D không có chữ ký của chị H, hẹn trả số tiền trên vào ngày 15-12-2019. Khi đọc giấy do không có chữ ký của chị H và giấy chỉ ghi mức lãi suất 0,25%/tháng, anh T không đồng ý, tuy nhiên chị H hứa chuyển nhượng được đất ở Đồng Nai sẽ trả, nên anh T không có ý kiến gì.

Ngày 15-12-2019 anh T đến yêu cầu anh D, chị H trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, do chị H trình bày chưa thu hồi được nợ nên trả được số tiền lãi là 30.000.000đ (trả làm 03 lần). Kể từ đó đến nay chị H, anh D chưa trả thêm được khoản tiền gốc và lãi nào. Mặc dù anh T đến yêu cầu chị H, anh D trả khoản tiền trên nhiều lần, nhưng chị H hẹn nợ và không trả, anh D bỏ đi khỏi địa phương, do vậy anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu chị H, anh D trả số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất là 25%/tháng kể từ ngày viết giấy vay (15-12-2019) đến ngày xét xử, tuy nhiên, tại phiên tòa anh T trình bày, lãi thỏa thuận trong giấy vay là 2,5%/tháng, do trong hợp đồng ghi mức lãi 0,25%/tháng nên anh thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể thay đổi yêu cầu tính lãi từ mức 2,5%/tháng xuống còn 0,25%/tháng đối với lãi trong hạn, lãi quá hạn đề nghị áp dụng mức 150%/năm của lãi trong hạn kể từ thời điểm chậm trả đến ngày xét xử vụ án.

- Ý kiến bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Việc gia đình chị có vay của gia đình anh T số tiền 100.000.000đ là đúng, tuy nhiên số tiền anh Phan Chí D nhận của anh T 70.000.000đ chị H không biết vì thời gian này chị phải đi chữa bệnh tại bệnh viện H Thành phố Hồ Chí Minh, chị cũng không được sử dụng số tiền này, số tiền 30.000.000đ vay của anh T do anh D liên hệ vay và chị là người trực tiếp nhận số tiền này, sau khi nhận tiền thì anh D viết giấy gộp chung tổng số tiền vay của anh T là 100.000.000đ chị H không có ý kiến gì. Đối với số tiền chị nhận từ anh T là 30.000.000đ chị đã trả cho anh T cuối năm 2019, đối với số tiền anh D vay anh T là 70.000.000đ do anh D là người nhận tiền và chị không được sử dụng số tiền này nên chị không đồng ý trả. Về số tiền 30.000.000đ chị trả cho anh T là số tiền gốc, không phải tiền lãi, vì khi chị nhận tiền từ anh T hai bên không thỏa thuận lãi suất, việc thỏa thuận lãi suất giữa anh T và anh D như thế nào chị không biết, do anh D nhận trả tiền lãi suất cho anh T nên chị không đồng ý trả lãi suất của số tiền đã nhận từ anh T.

Đối với việc anh D trả số tiền lãi là 20.000.000đ vào cuối năm 2018 cho anh T như thế nào, chị không biết. Khi viết giấy vay tiền 100.000.000đ với anh T thì anh D có hủy giấy vay của số tiền 70.000.000đ đã viết cho anh T hay không thì chị không biết. nay anh T khởi kiện yêu cầu chị và anh D trả số tiền 100.000.000đ và tiền lãi phát sinh chị không đồng ý, vì số tiền nhận từ anh T chị đã trả, tiền lãi vay do anh D nhận trả nên chị không có trách nhiệm trả.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã triệu tập hợp lệ đối với anh Phan Chí D, tuy nhiên anh D vắng mặt không có lý do, tại biên bản xác minh ngày 28-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong tại Công an xã Q xác định anh Phan Chí D đã bỏ đi khỏi địa phương khoảng từ tháng 06/2020, do vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai được đối với anh D và cũng không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H trong quá trình giải quyết trình bày: Chị đồng ý với ý kiến trình bày của chồng chị là anh Trịnh Huy T, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Phan Chí D, chị Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền đã vay là 100.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất là 25%/tháng, kể từ ngày 15-12-2019 đến ngày xét xử.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Chí D chấp hành chưa đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Trịnh Huy T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H, buộc anh D, chị H phải trả số tiền gốc đã vay là 100.000.000đ, được khấu trừ số tiền 30.000.000đ chị H đã trả sau khi khấu trừ số tiền lãi trong hạn (từ ngày vay đến ngày thỏa thuận trả) và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Anh Trịnh Huy T yêu cầu bị đơn anh Phan Chí D, chị Nguyễn Thị Thu H, thường trú tại Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trả số tiền đã vay 100.000.000đ. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Trịnh Huy T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H yêu cầu anh Phan Chí D, chị Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền đã vay là 100.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Xét giấy vay tiền viết tay đề ngày 15-12-2018 do nguyên đơn cung cấp thể hiện, Anh Trịnh Huy T có cho anh Phan Chí D vay số tiền là 100.000.000đ, mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 0,25%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 15-12-2019, số tiền trên anh T giao cho anh D làm hai lần, một lần 70.000.000đ và một lần 30.000.000đ, có chữ ký của anh Phan Chí D; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành làm việc được với anh Phan Chí D nên

không ghi nhận được ý kiến của anh D đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu anh phải trả, trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị H thừa nhận có viết giấy vay của anh T số tiền 100.000.000đ vào năm 2018 (trong đó có khoản tiền 30.000.000đ mà chị H nhận từ anh D), anh D là người viết giấy vay, đối với số tiền anh T cho gia đình chị vay là 100.000.000đ thì chị chỉ được nhận 30.000.000đ, số tiền còn lại 70.000.000đ anh D nhận tiền thì chị không biết và không được sử dụng số tiền trên. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của anh D xác nhận nội dung anh D vay anh T số tiền 100.000.000đ là có thật.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị H cho rằng đã trả cho anh T được số tiền 30.000.000đ vào tháng 12 năm 2019, đây là số tiền do chị H nhận từ anh D, nguyên đơn anh T thừa nhận chị H đã trả số tiền trên, tuy nhiên đây là số tiền lãi chị H trả theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận là 2,5%/tháng. Tuy nhiên anh T không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc thỏa thuận giữa anh T với chị H về việc thỏa thuận mức lãi suất là 2,5%/tháng như nguyên đơn trình bày.

[2.3]. Xét thấy, các giấy khai sinh của các con chị H, giấy đăng ký kinh doanh do chị H cung cấp, thể hiện giữa chị H và anh D có mối quan hệ là vợ chồng, tuy nhiên không đăng ký kết hôn, hiện nay chị H đang đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh D là vợ chồng. Chị H trình bày đối với khoản tiền anh D vay của anh T là 70.000.000đ, do chị không chứng kiến, không được sử dụng số tiền trên, mặt khác giữa chị và anh D đã thỏa thuận phân chia nghĩa vụ trả nợ (có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và đơn xin ly thân viết tay), số tiền nợ anh T và tiền lãi anh D có trách nhiệm trả, nên chị không đồng ý trả số tiền trên. Tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của chị H, khi anh D viết giấy vay tiền của anh T số tiền 100.000.000đ (gồm 70.000.000đ anh D vay và 30.000.000đ chị H nhận tiền từ anh D), chị H chứng kiến và không có ý kiến gì. Điều này thể hiện việc anh D vay của anh T số tiền trên, chị H có biết, việc chị H trình bày giữa chị và anh D đã phân chia tài sản, phân chia nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên chị không cung cấp được văn bản về việc phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Mặt khác thời điểm này chị H và anh D đang còn sống chung với nhau (biên bản xác minh của Tòa án tại Công an xã Q, xác định anh D bỏ đi khỏi địa phương khoảng tháng 6/2020). Do đó căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định trách nhiệm liên đới của vợ chồng; Điều 37 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây “ *nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc anh D, chị H phải trả có trách nhiệm trả cho anh Trịnh Huy T số tiền đã vay, nhưng được khấu trừ số tiền 30.000.000đ chị H đã trả sau khi đã được trừ số tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận của các bên trong giấy vay tiền.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền 100.000.000đ kể từ thời điểm vay (ngày 15-12-2018 ) đến ngày trả là 0,25%/tháng và lãi chậm trả là 150%/năm của lãi trong hạn kể từ ngày 16-12-2019 đến ngày Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận định: Xét hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có thời hạn và có thỏa thuận mức lãi suất là 0,25%/tháng kể từ thời điểm vay 15-12-2018 đến thời điểm trả nợ là ngày 15-12-2019; tại phiên tòa nguyên đơn trình bày mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, do ghi nhầm thành 0,25%, tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, do vậy nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,25%/tháng. Việc thỏa thuận mức lãi 0,25% của các bên là phù hợp quy định của pháp luật, cần buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi trong hạn của số tiền vay 100.000.000đ là 3%/năm (0,25%/tháng x 12 tháng) tương đương số tiền là 3.000.000đ, được khấu trừ vào số tiền chi H đã trả 30.000.000đ, như vậy số còn lại mà chi H đã trả là 27.000.000đ được trừ vào số tiền gốc mà chi H và anh D đã vay. Kể từ ngày 16-12-2019 anh D, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu mức lãi suất chậm trả bằng 150% mức lãi vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng (tương đương 4,5%/năm). Cụ thể buộc anh D, chị H phải trả cho anh T số tiền lãi là 4,5%/năm x 73.000.000đ x 593 ngày (kể từ ngày 16-12-2019 đến 30-7-2021) là 5.337.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh D, chị H còn phải trả là 5.337.000 đồng.

[4]. Từ những phân tích, nhận định tại các mục [2][3], Hội đồng xét xử xét thấy, cần buộc anh D, chị H phải trả cho anh T số tiền gốc là 73.000.000đ và tiền lãi là 5.337.000 đồng, tổng số tiền là 78.337.000 đồng.

[5]. Xét số tiền lãi anh T trình bày, cuối năm 2018 có nhận của anh D số tiền lãi là 20.000.000đ của khoản tiền vay 100.000.000đ, vay đầu năm 2018 và hện cuối năm 2018 trả gốc và lãi, quá trình giải quyết vụ án, chị H không biết việc thỏa thuận lãi đối với số tiền anh D đã vay của anh T, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D về khoản lãi nêu trên; hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ để chứng minh đầu năm 2018 anh D, chị H vay của anh T số tiền 100.000.000đ, anh T, chị Hạnh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản tiền vay trên và việc thỏa thuận trả lãi, mặt khác anh T, chị H không yêu cầu gì đối với số tiền trên. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để khấu trừ số tiền trên sau khi đã trừ lãi theo thỏa thuận của các bên vào số tiền gốc mà anh D chị H vay của anh T.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Trịnh Huy T.

Buộc anh Phan Chí D, chị Nguyễn Thị Thu H phải trả cho Anh Trịnh Huy T tổng số tiền là 78.337.000 (bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 73.000.000đ, tiền lãi là 5.337.000đ.

*Kể từ ngày Anh Trịnh Huy T có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu anh Phan Chí D, chị Nguyễn Thị Thu H không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

**2. Về án phí:** Anh Phan Chí D, chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.916.850 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi sáu tám trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Anh Trịnh Huy T phải chịu 1.350.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000đ và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005789 ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

*Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(ĐÃ KÝ)*

**Phạm Đình Hưng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

